

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2017.

V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Minh Thiên.

Ông: Trần Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp về hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐXX-ST ngày 18/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích D, sinh năm 1970 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1971 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017, nguyên đơn chị Trần Thị Bích D trình bày như sau:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 12/12/1991 âm lịch, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Những năm đầu khi mới chung sống với nhau như vợ chồng thì chị và anh T sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, kể từ khoảng đầu năm 2006 thì chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T không chí thú làm ăn và không có trách nhiệm đối với chị và con. Đồng thời, trong quá trình chung sống chị nhận thấy chị và anh T không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong lối sống. Do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, ngày càng trở nên

trầm trọng, không thể nào hàn gắn tình cảm lại được nữa, nên chị thấy không thể nào tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T. Mâu thuẫn giữa chị và anh T không có ai biết.

Chị và anh T đã sống ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2016 cho đến nay.

Quá trình sống chung, chị và anh T không có tài sản chung, cũng không có nợ chung; anh chị có chung với nhau 01 đứa con chung tên Lê Hoài N, sinh ngày 30/9/1992.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét, giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận chị với anh Lê Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2017, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về hôn nhân và con chung; anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung; quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, anh chị sống ly thân với nhau kể từ tháng 02 năm 2016 đến nay, việc mâu thuẫn giữa anh chị không có ai biết.

Nay chị D yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh, anh có ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với yêu cầu của chị D là yêu cầu không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Bích D và anh Lê Văn T đều vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích D và anh Lê Văn T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn; mặc dù chị D và anh T chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, nhưng không được pháp luật công nhận. Lẽ ra, trong quá trình sống chung anh chị lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nuôi dạy con chung nên người, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị D trình bày những năm đầu khi mới chung sống với nhau như vợ chồng thì chị và anh T sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, kể từ khoảng đầu năm 2006 thì chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T không chí thú làm ăn và không có trách nhiệm đối với chị và con. Đồng thời, trong quá trình chung sống chị nhận thấy chị và anh T không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong lối sống. Do mâu thuẫn

vợ chồng đã kéo dài, ngày càng trở nên trầm trọng, không thể nào hàn gắn tình cảm lại được nữa, chị thấy không thể nào tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T, nên chị yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh T. Còn anh T thì trình bày, quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, anh chị sống ly thân với nhau kể từ tháng 02 năm 2016 đến nay, chị D yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh thì anh cũng đồng ý. Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày anh chị đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị D và anh T cũng đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của chị D và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa chị D và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Con chung của chị D và anh T đã trưởng thành, anh chị không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Bích D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; anh Lê Văn T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Bích D và anh Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung của chị D và anh T đã trưởng thành, anh chị không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu số 0007983 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm; như vậy, xem như chị D đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn

